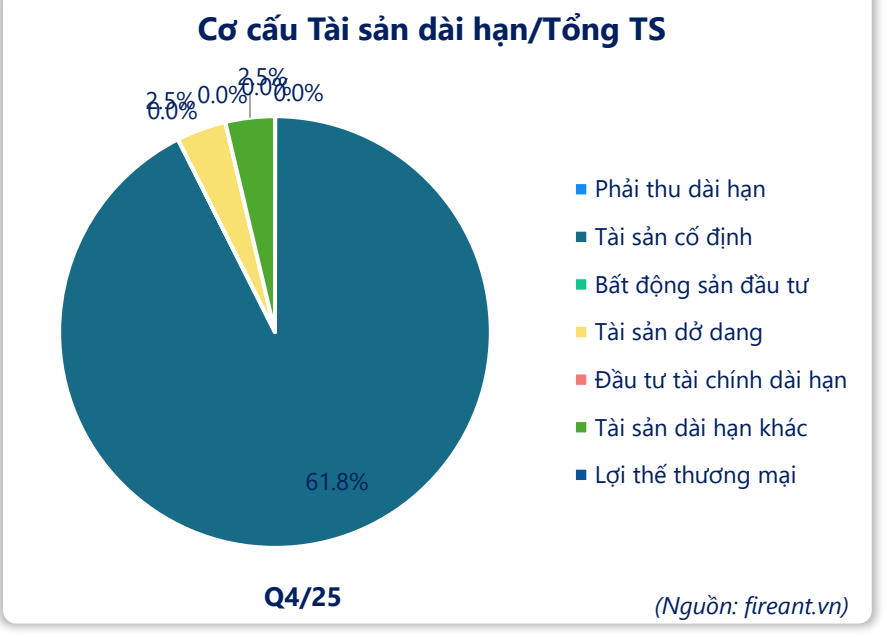
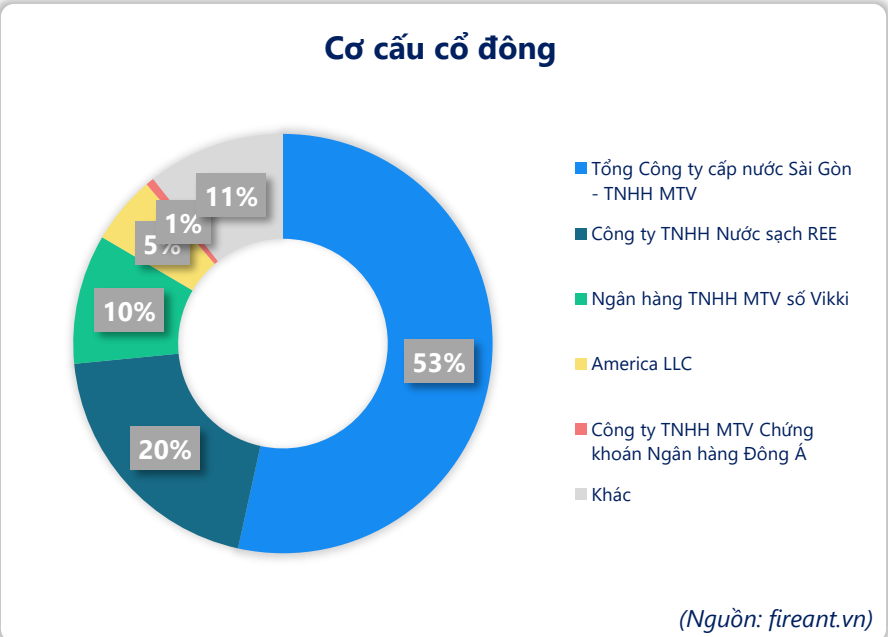
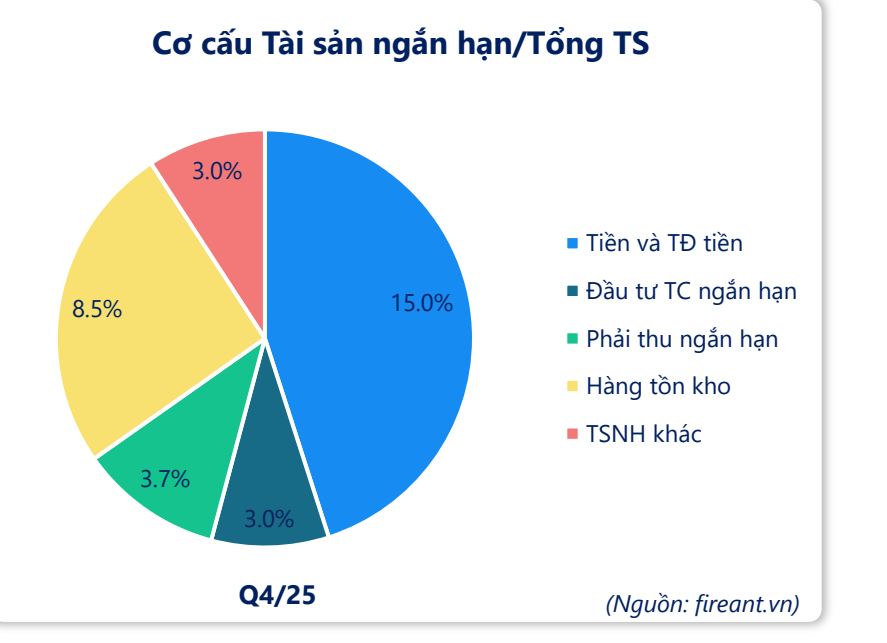
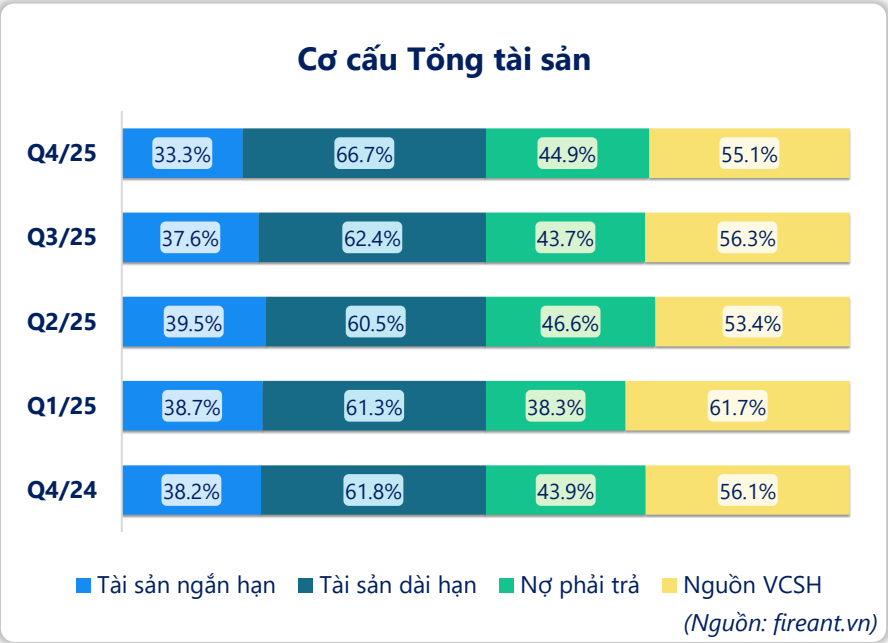
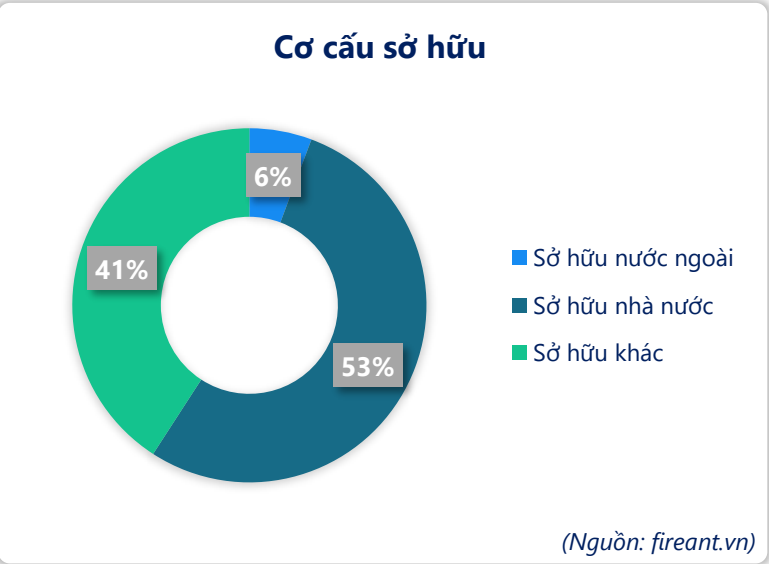
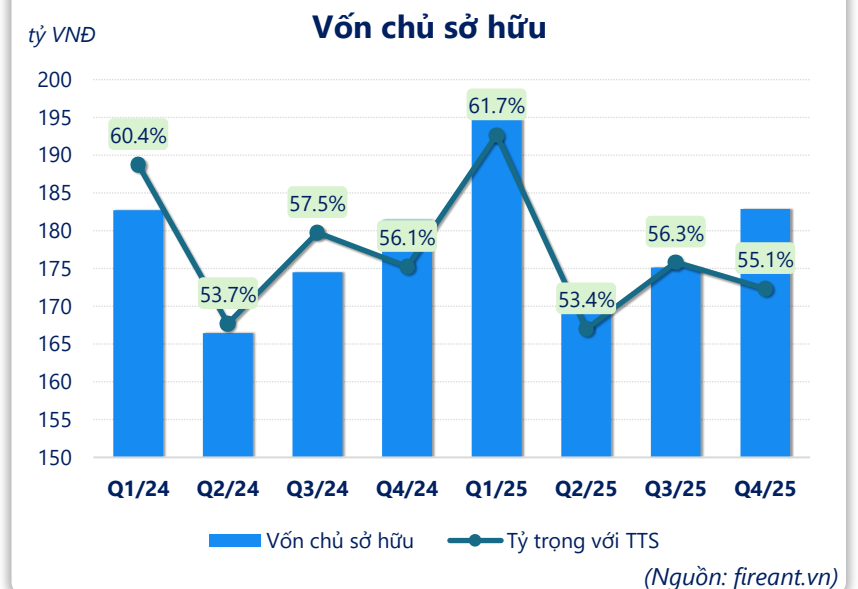
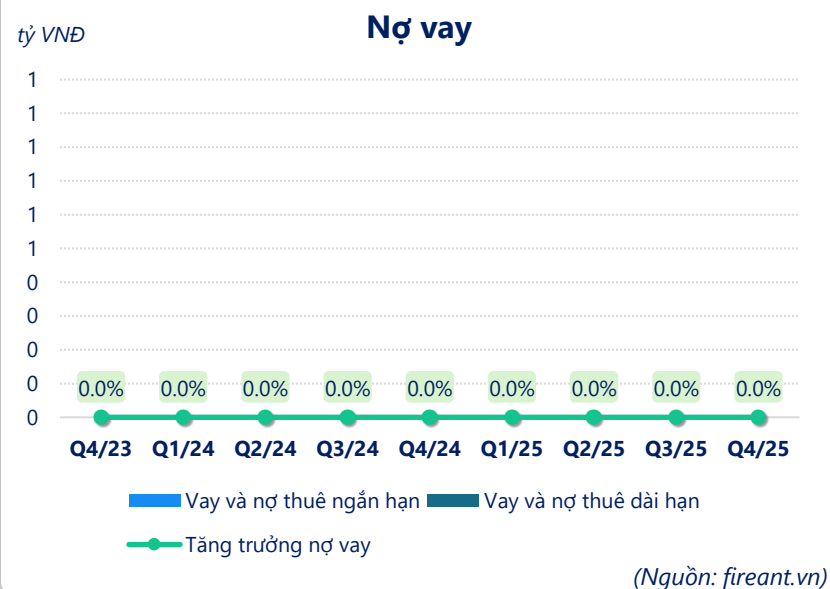
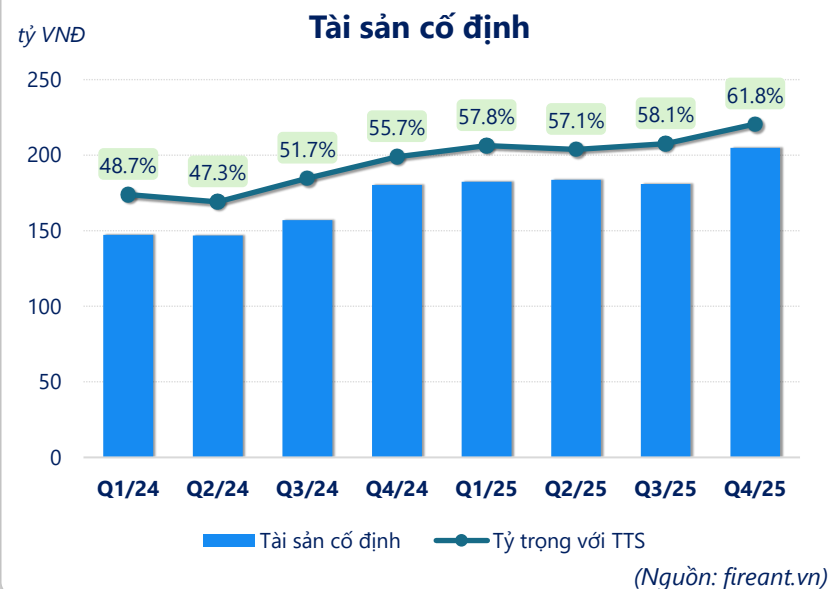
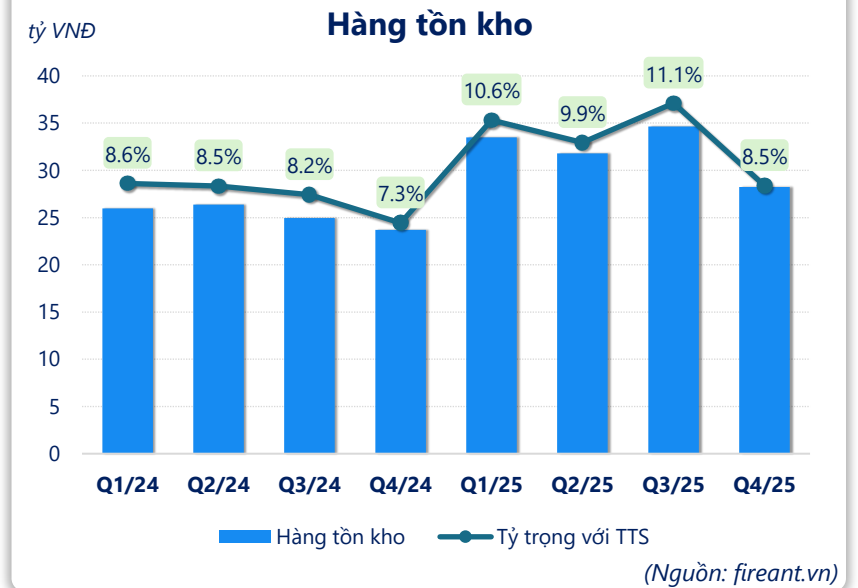
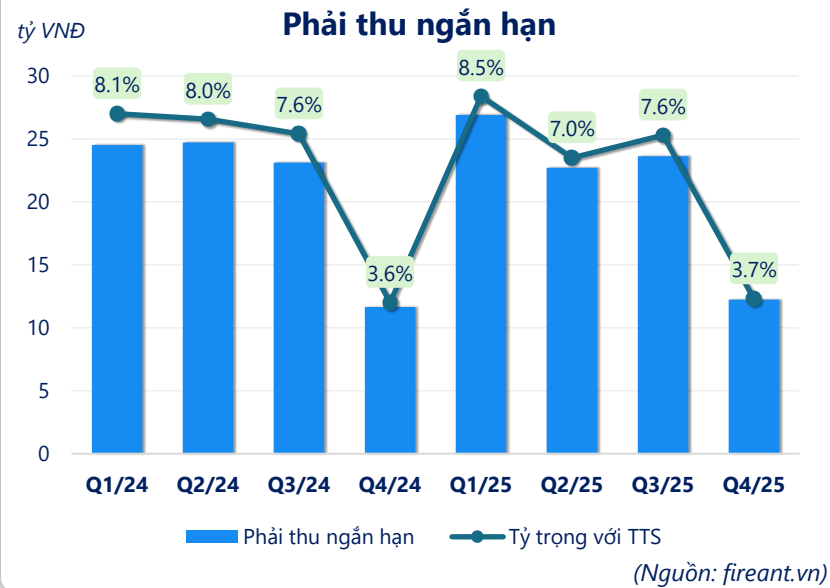
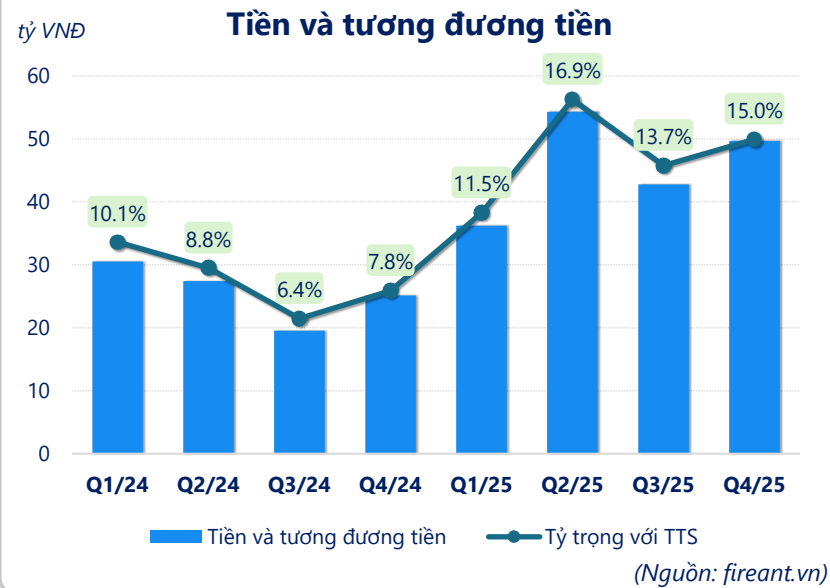
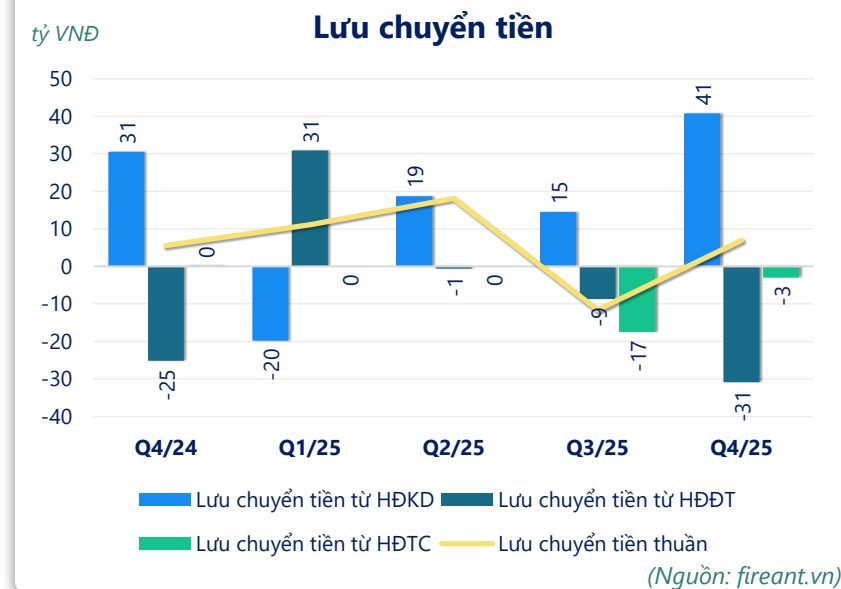
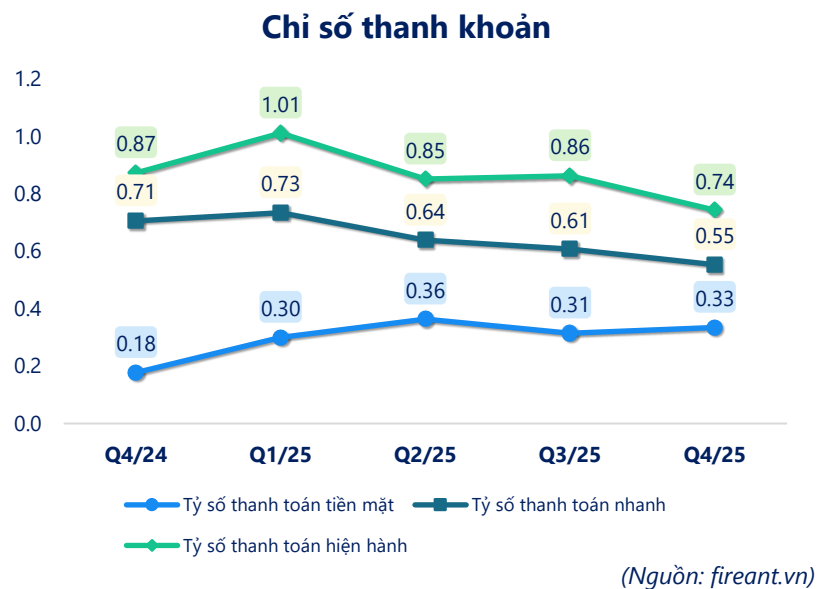
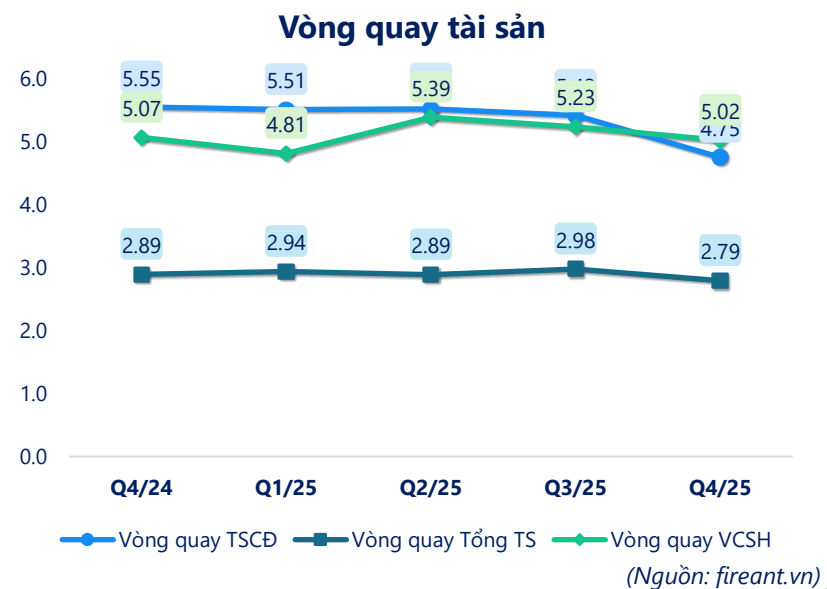
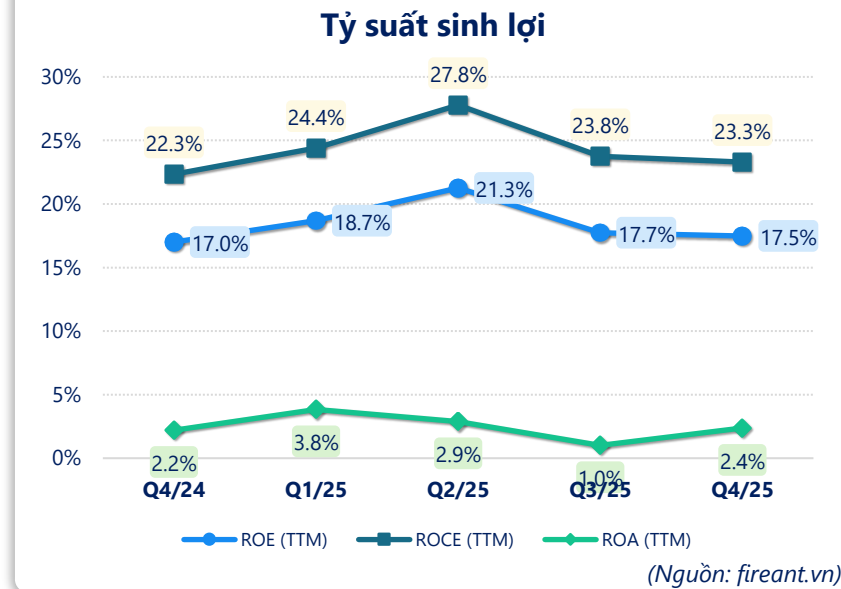
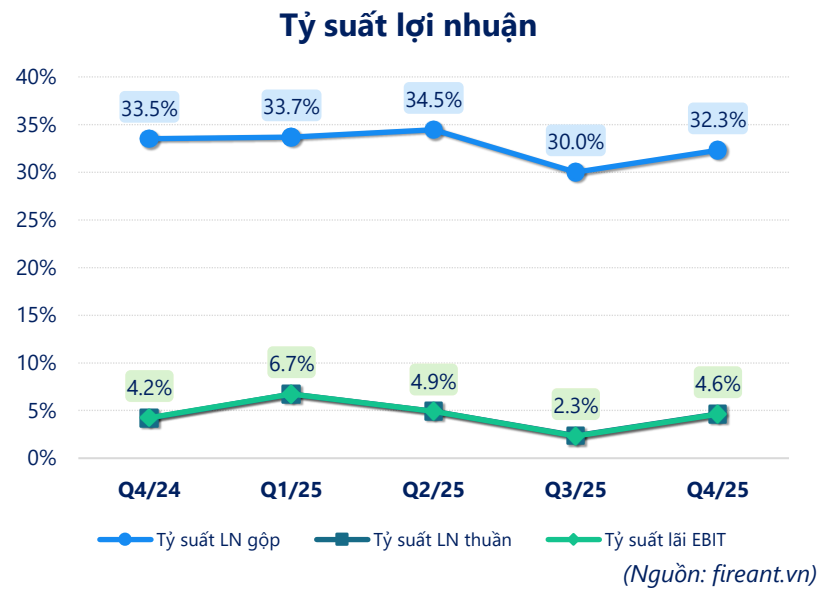
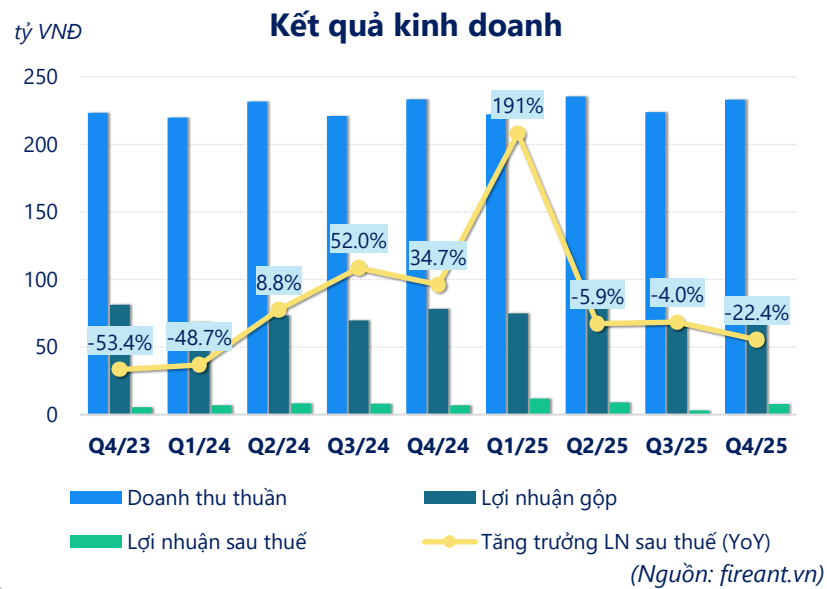


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,797
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,399
SL cổ phiếu LH		10,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,760
% sở hữu nước ngoài		5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		348
P/E		10.9
EPS		2,923

	YTD	1T	3T	6T
NBW	10.7%	-22.9%	-16.1%	2.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	332	325	1.9%
Tài sản ngắn hạn	110	126	-12.5%
Tiền và tương đương tiền	49.7	25.1	97.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	60.0	-83.3%
Phải thu ngắn hạn	12.2	11.7	4.7%
Hàng tồn kho	28.2	23.7	19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	5.60	80.6%
Tài sản dài hạn	221	199	11.1%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	205	180	13.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.23	9.31	-11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.19	9.73	-15.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	149	143	4.4%
Nợ ngắn hạn	148	142	4.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	83.4	94.0	-11.2%
Nợ dài hạn	0.30	0.33	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	183	0.0%
Vốn chủ sở hữu	183	183	0.0%
Vốn điều lệ	109	109	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	233	222	235	224	233
Giá vốn hàng bán	155	147	154	157	158
Lợi nhuận gộp	78.2	74.9	81.1	67.2	75.3
Doanh thu HĐTC	0.59	0.16	0.42	0.07	0.40
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	43.5	35.4	50.5	39.7	38.9
Chi phí QLDN	25.5	24.6	19.4	22.3	26.0
LN thuần từ HĐKD	9.83	14.9	11.6	5.29	10.8
Lợi nhuận khác	0.05	0.01	-0.01	-0.08	-0.01
LN trước thuế	9.88	15.0	11.6	5.21	10.8
Lợi nhuận sau thuế	6.92	11.9	9.13	3.11	7.77
LNST của CĐ cty mẹ	6.92	11.9	9.13	3.11	7.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.6	-19.7	18.7	14.5	40.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.2	30.9	-0.56	-8.67	-30.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.22	0.00	-0.02	-17.4	-2.98
Tiền đầu kỳ	19.5	25.1	36.2	54.3	42.7
Lưu chuyển tiền thuần	5.59	11.1	18.1	-11.6	6.95
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.1	36.2	54.3	42.7	49.7

(Nguồn: fireant.vn)